

MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG VIỆC LÀM CỦA CỬ NHÂN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Trương Anh Tuấn*
Nguyễn Hồng Dương**
Nguyễn Thị Thu Quyết***

Tóm tắt:

Bằng phương pháp phỏng vấn chúng tôi đã đánh giá được thực trạng mức độ đáp ứng việc làm của cử nhân Ngành Giáo dục thể chất (GDTC) Trường Đại học Thể dục thể thao (TDTT) Bắc Ninh dưới 3 góc độ: Từ phía người lao động (cử nhân Ngành GDTC), người sử dụng lao động và cơ sở đào tạo. Kết quả cho thấy, cử nhân Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã đáp ứng được một phần yêu cầu của việc làm về những kỹ năng, kiến thức, thái độ cần thiết trong công việc.

Từ khóa: Đáp ứng việc làm, Ngành GDTC, Đại học TDTT Bắc Ninh.

The job response level of the Bachelor degree owner in Physical Education major at Bac Ninh Sports University

Summary:

Through interviewing methods, we have assessed the status of the job response level of the Bachelor degree owner in Physical Education major at Bac Ninh Sports University under 3 angles: employee (Bachelor degree owner), employer and training institution. The results showed that bachelor degree owner in Physical Education major at Bac Ninh Sports University has partly met the requirements of the job in terms of skills, knowledge, and attitudes needed in the job.

Keywords: Job response, Physical education, Bac Ninh Sports University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng đào tạo là mục tiêu quan trọng nhất của giáo dục đại học nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Tuy nhiên thực tế cho thấy, mặc dù giáo dục đại học đã rất nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo trong suốt thời gian qua, nhưng rất nhiều sinh viên ra trường không xin được việc làm và rất nhiều nhà tuyển dụng không tuyển được lao động phù hợp với yêu cầu. Theo số liệu của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Tổng cục Thống kê tại Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam số 23 thì đến hết quý III năm 2019, cả nước có hơn 135 nghìn người có trình độ Đại

học, Thạc sĩ, Tiến sĩ thất nghiệp. Đường như, đã có một khoảng cách khá xa giữa chương trình đào tạo ở các cơ sở đào tạo và nhu cầu đặt ra từ thực tế của các đơn vị tuyển dụng. Năm 2017, trong báo cáo tự đánh giá của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh cho thấy, sau một năm tốt nghiệp, chỉ có gần 30% số sinh viên có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

Đứng trước thực tế đó, chúng tôi tiến hành tìm hiểu: Mức độ đáp ứng việc làm của cử nhân Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn và Phương pháp toán học thống kê

Trong bài viết, chúng tôi sử dụng phương

*TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**PGS.TS, Viện Khoa học TDTT

***TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

pháp phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp: 116 đơn vị sử dụng lao động; 64 cán bộ, giảng viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và 287 cử nhân Ngành GDTC đã tìm được việc làm và có các vị trí công tác phù hợp với ngành đào tạo. Phiếu phỏng vấn được xây dựng với 15 câu hỏi nhằm thu thập các dữ liệu phản ánh mức độ đáp ứng việc làm của đối tượng nghiên cứu. Tính đến thời điểm khảo sát, cử nhân Ngành GDTC mới tham gia vào thị trường lao động trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Qua tham khảo tài liệu, trao đổi, phỏng vấn các chuyên gia về lĩnh vực quản lý đào tạo cùng với sử dụng các phương pháp toán học thống kê như: Xác định tính tương quan nội tại của phiếu hỏi bằng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá KMO, chúng tôi đã xác định được bộ tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng việc làm của cử nhân Ngành GDTC gồm 15 tiêu chí trên 3 phương diện: Kiến thức, Kỹ năng và Thái độ. Nhằm đánh giá khách quan mức độ đáp ứng

Bảng 1. Mức độ đáp ứng việc làm của cử nhân Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh sau 1 năm tốt nghiệp

TT	Tiêu chí	Nhóm 1 (n=287)			Nhóm 2 (n=116)			Nhóm 3 (n=64)			Tổng	
		Tổng điểm	Điểm TB	Đánh giá	Tổng điểm	Điểm TB	Đánh giá	Tổng điểm	Điểm TB	Đánh giá	Điểm TBC	Đánh giá
<i>Nhóm tiêu chí về kiến thức</i>												
1	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	821	2.86	TB	303	2.61	TB	278	4.34	Tốt	3	TB
2	Kiến thức lý thuyết về kỹ thuật các môn thể thao chuyên ngành	1025	3.57	Khá	448	3.86	Khá	292	4.56	Tốt	3.78	Khá
3	Kiến thức nền tảng về lĩnh vực TDTT và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn	1010	3.52	Khá	411	3.54	Khá	302	4.72	Tốt	3.69	Khá
<i>Nhóm tiêu chí về kỹ năng</i>												
4	Kỹ năng truyền đạt và tổ chức giảng dạy các môn thể thao	855	2.98	TB	307	2.65	TB	227	3.55	Khá	2.97	TB
5	Kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo	1223	4.26	Tốt	529	4.56	Tốt	308	4.81	Tốt	4.41	Tốt
6	Kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức thi đấu và trọng tài các hoạt động TDTT quần chúng	852	2.97	TB	356	3.07	TB	247	3.86	Khá	3.12	TB
7	Kỹ năng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường	867	3.02	TB	284	2.45	Yếu	238	3.72	Khá	2.97	TB
8	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	994	3.46	Khá	332	2.86	TB	225	3.52	Khá	3.32	TB
9	Kỹ năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	953	3.32	TB	381	3.28	TB	226	3.53	Khá	3.34	TB
10	Kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	867	3.02	TB	332	2.86	TB	235	3.67	Khá	3.07	TB
11	Kỹ năng thu hút, giao tiếp xã hội và vận động người tập luyện	979	3.41	Khá	311	2.68	TB	236	3.69	Khá	3.26	TB
<i>Nhóm tiêu chí về thái độ</i>												
12	Tính độc lập, tự chủ và sáng tạo	1005	3.5	Khá	327	2.82	TB	247	3.86	Khá	3.38	TB
13	Tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị	1248	4.35	Tốt	528	4.55	Tốt	301	4.7	Tốt	4.45	Tốt
14	Tác phong làm việc nghiêm túc	1260	4.39	Tốt	507	4.37	Tốt	277	4.33	Tốt	4.38	Tốt
15	Tuân thủ chủ trương, pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác	1269	4.42	Tốt	548	4.72	Tốt	287	4.48	Tốt	4.5	Tốt



Cử nhân Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh được đánh giá là có kỹ năng thực hành tốt các môn thể thao trong chương trình đào tạo

việc làm của đối tượng nghiên cứu, chúng tôi tiến hành khảo sát dưới 3 góc độ: Một là, dựa trên sự đánh giá của người quản lý tại cơ sở tuyển dụng lao động (gọi chung là người sử dụng lao động); Hai là, sự đánh giá của bản thân các cử nhân đã có việc làm và có công việc phù hợp với ngành đào tạo GDTC (gọi chung là người lao động) và Ba là, dựa trên sự đánh giá của các nhà quản lý, giáo viên giảng dạy tại Trường Đại học TDDT Bắc Ninh (gọi chung là cơ sở đào tạo). Khảo sát được tiến hành theo thang Likert 5 mức độ. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Kết quả bảng 1 cho thấy:

Mức độ đáp ứng về kiến thức: Có 2 tiêu chí được cả 3 nhóm đánh giá đạt Khá trở lên đó là kiến thức lý thuyết về kỹ thuật các môn thể thao chuyên ngành và kiến thức nền tảng về lĩnh vực TDDT và có thể tiếp tục học tập nâng cao; tuy nhiên, tiêu chí về kiến thức nghiệp vụ sư phạm gồm các kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy chưa có sự đồng nhất trong đánh giá của 3 nhóm. Nếu như đơn vị đào tạo là cán bộ, giáo viên Trường Đại học TDDT Bắc Ninh đánh giá rằng chương trình đào tạo đã đảm bảo cho người

học đạt tốt về kiến thức nghiệp vụ sư phạm thì đơn vị sử dụng lao động và người lao động tự đánh giá rằng, tiêu chí này chỉ đạt mức TB, thậm chí, người sử dụng lao động còn đánh giá tiêu chí này ở mức sát giữa TB và yếu.

Mức độ đáp ứng về kỹ năng: Cả 8 tiêu chí đều được cơ sở đào tạo đánh giá đạt khá và tốt, tuy nhiên, chỉ có 1 tiêu chí về kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo là đạt được sự đánh giá đồng thuận từ người lao động và cơ sở tuyển dụng lao động. Đánh giá về tiêu chí này, cả người lao động và đơn vị sử dụng lao động đều cho rằng, cử nhân Ngành GDTC khóa Đại học 46, 47 và 48 đều có kỹ năng thực hành các nội dung chuyên ngành tốt, tuy nhiên 7 tiêu chí còn lại không có sự đồng thuận. Cụ thể:

Nếu như người lao động tự đánh giá rằng, bản thân đã đạt kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản ở mức độ khá thì đơn vị sử dụng lao động đánh giá kỹ năng này của các cử nhân chỉ đạt ở mức độ trung bình, chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc.

Đối với kỹ năng thu hút, giao tiếp xã hội và

vận động người tập luyện cũng vậy, nếu như người lao động tự nhận định rằng, trong quá trình làm việc, không gặp khó khăn gì trong việc giao tiếp với người học và đồng nghiệp, tuy nhiên, ở đây, đơn vị sử dụng lao động cho rằng, tiêu chí này chỉ đạt mức độ trung bình vì công việc đòi hỏi không chỉ dừng ở mức độ giao tiếp bình thường mà người lao động cần thu hút được người tập luyện, truyền được động lực cho người tập và tạo cho họ sự hứng thú khi tham gia tập luyện, tránh các buổi tập luyện, giảng dạy nhàm chán.

Đặc biệt, các kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng tự định hướng và khả năng tự thích ứng với sự thay đổi của công việc của cử nhân Ngành GDTC chỉ được đơn vị sử dụng lao động đánh giá ở mức độ TB, cùng với đó, tự bản thân người lao động cũng nhận định, các tiêu chí trên chỉ đạt ở mức độ TB.

Các tiêu chí còn lại gồm: Kỹ năng truyền đạt và tổ chức giảng dạy các môn thể thao, kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức thi đấu và trọng tài các hoạt động TDTT quần chúng và kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng chỉ đạt mức trung bình ở cả 2 nhóm đánh giá là đơn vị sử dụng lao động và người lao động.

Mức độ đáp ứng về thái độ: Về cơ bản, các tiêu chí đưa ra đều có đánh giá đạt sự đồng thuận ở cả 3 nhóm và đạt mức độ Tốt. Riêng tiêu chí về Tính độc lập, tự chủ và sáng tạo trong khi cơ sở đào tạo đánh giá đáp ứng tốt, hay bản thân người lao động đánh giá đạt mức khá thì đơn vị sử dụng lao động đánh giá chỉ ở mức độ Trung bình.

KẾT LUẬN

Cử nhân Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được đánh giá là có kỹ năng thực hành tốt các môn thể thao trong chương trình đào tạo; Có kiến thức lý thuyết khá về kỹ thuật các môn thể thao chuyên ngành và kiến thức nền tảng về lĩnh vực TDTT; Có thái độ tốt biểu hiện qua tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân; Có tác phong làm việc nghiêm túc; Luôn tuân thủ tốt chủ trương, pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác. Tuy nhiên còn nhiều

hạn chế như: Kiến thức nghiệp vụ sư phạm; Kỹ năng truyền đạt và tổ chức giảng dạy các môn thể thao; Kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức thi đấu và trọng tài các hoạt động TDTT quần chúng; Kỹ năng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; Kỹ năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Kỹ năng thu hút, giao tiếp xã hội và vận động người tập luyện và Tính độc lập, tự chủ và sáng tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.*

2. Tổng cục thống kê, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2019), *Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam số 23*, Quý III năm 2019.

3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2016), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức

4. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2017), *Báo cáo tự đánh giá*, Bắc Ninh.

(Bài nộp ngày 8/12/2020, Phản biện ngày 6/1/2020, duyệt in ngày 1/2/2021

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Thu Quyết
Email: thuquyetnguyen@gmail.com)